

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 4 - 2021

V/v: Ly hôn giữa chị S và anh Ch

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Bà Trần Thị Hoàn – kiểm sát viên

Trong ngày 14/4/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2020/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐST- HNGĐ ngày 16/3/2021.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1985 – *Đề nghị xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn PM, xã T, huyện KX, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Bùi Văn Ch, sinh năm 1980 – *Đề nghị xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn ĐH, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Phạm Thị S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị quen biết anh Bùi Văn Ch vào năm 2003 khi cả hai đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó cùng chung sống với nhau. Năm 2004, sinh con Bùi Thị Thu Tr, năm 2009 sinh con Bùi Tiến A. Đến ngày 26/01/2010, chị và anh Ch mới đăng ký kết hôn tại xã TH, đăng ký hộ khẩu thường trú tại gia đình nhà bố mẹ anh Chính là ông Bùi Văn Ch bà Trịnh Thị L ở thôn ĐH, xã TH (cũ) nay là xã SH. Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ năm

2015 chị và anh Ch ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ch không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Ch.

- *Về con chung*: Chị và anh Ch có hai con chung là Bùi Thị Thu Tr, sinh ngày 01/6/2004 và Bùi Tiến A, sinh ngày 17/12/2009 cả hai con chung hiện ở cùng anh Ch, đang sinh sống và học tập tại xã SH, huyện TT. Chị đề nghị giải quyết anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000/tháng.

*Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Nợ chung*: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn gửi Tòa án đề ngày 24/3/2021 bị đơn là anh Bùi Văn Ch trình bày:*

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án biết rõ các yêu cầu chị S khởi kiện. Do điều kiện công việc bận mải, dịch bệnh anh không đến Tòa án giải quyết được vụ án nên đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh có ý kiến đồng ý ly hôn với chị S. Anh xác định anh và chị Son có hai con chung là Bùi Thị Thu Tr, sinh ngày 01/6/2004 và con Bùi Tiến A, sinh ngày 17/12/2009. Cả hai con chung hiện đang ở với anh và ông bà nội ở thôn ĐH, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Hiện anh đi làm bình thường, có thu nhập, có điều kiện chăm sóc các con và cả hai con đều có nguyện vọng ở với anh nên anh đề nghị Tòa án giải quyết được trực tiếp chăm sóc hai con. Anh chấp nhận mức chị S cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết

Biên bản lấy lời khai ông Bùi Văn Ch và bà Trịnh Thị L là bố mẹ anh Bùi Văn Ch có nội dung xác định địa chỉ nơi cư trú, điều kiện hoàn cảnh của anh Chính, về quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Ch đúng như lời trình bày của anh Ch.

Xác minh tại UBND xã SH xác định: chị Phạm Thị S và anh Bùi Văn Ch có hộ khẩu thường trú ở tại thôn ĐH, xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2010, tại UBND xã TH (cũ) nay là xã SH, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Trước khi đăng ký kết hôn, chị S và anh Ch đã có hai con chung, đều đăng ký khai sinh tại UBND xã TH (cũ) và đều do anh Bùi Văn Ch là cha đẻ đi khai sinh. Hiện nay cả hai cháu đều ở cùng với anh Bùi Văn Ch và ông bà nội ở thôn Đông Hưng. Các cháu đều học hành ổn định và được anh Ch và ông bà nội chăm sóc chu đáo. Anh Ch đi làm tự do có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị S ly hôn anh Ch; Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Ch trực tiếp nuôi hai con chung là Bùi Thị Thu Tr, sinh ngày 01/6/2004 và con Bùi Tiến A, sinh ngày 17/12/2009; Về việc chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

#### *[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị S và anh Ch tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị S có yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Ch cũng đồng ý ly hôn chị S nhưng đề nghị được vắng mặt. Xác định mâu thuẫn giữa hai bên đã căng thẳng, thời gian ly thân đã lâu, không có giải pháp nào hòa giải cho anh chị nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị S ly hôn anh Ch.

[2.2]. *Về con chung:* Chị S và anh Ch có hai con chung là Bùi Thị Thu Tr, sinh ngày 01/6/2004 và con Bùi Tiến A, sinh ngày 17/12/2009. Hiện nay cả hai con chung đều ở cùng anh Ch. Anh Ch có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục các con. Cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng anh Ch. Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chấp nhận đề nghị của anh chị về việc chị S cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

### 1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Phạm Thị S ly hôn anh Bùi Văn Ch.

**2. Về việc nuôi dưỡng con chung:** Chị S và anh Ch có hai con chung là Bùi Thị Thu Tr, sinh ngày 01/6/2004 và con Bùi Tiến A, sinh ngày 17/12/2009. Giao cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị S cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

**3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung:** Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### 4. Về án phí:

Chị Phạm Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0001923 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### 5. Quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị S và anh Bùi Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

#### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã SH;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hương Lan**



